

ĐẠI HỌC DUY TÂN
TRUNG TÂM TIN HỌC

BẢNG ĐIỂM HỌC VIÊN DỰ THI ĐỢT ĐỢT 1 THÁNG 01/2026
CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CNTT CHUẨN NÂNG CAO

Thời gian: 13h00 * Ngày thi: 25/01/2026

Ghi chú: Các học viên có kết quả "Không đạt" phải tự theo dõi lịch thi các đợt tiếp theo và đăng ký thi lại các phần thi được tô màu đỏ(không đạt phần thi nào thì thi lại phần thi đó). Phần Cơ bản không đạt sẽ bị hủy điểm thi phần Nâng cao theo đúng nội dung thông báo.

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	LỚP	ĐIỂM THI			GHI CHÚ
						KTC	THUD	KẾT QUẢ	
1	28210200071	Phan Văn An	18/10/2004	Quảng Nam	31CBN9	9.3	8.5	Đạt	
2	28204940091	Lê Thị Ngọc Anh	13/09/2004	Quảng Trị	31TSC14	6.7	5.5	Đạt	
3	28205254631	Nguyễn Hoàng Anh	17/11/2004	Huế	31THT14	10.0	7.0	Đạt	
4	28204642633	Nguyễn Thị Kim Anh	05/12/2004	Đắk Lắk	31CBN9	8.3	9.3	Đạt	
5	28212326941	Phan Quyền Anh	20/02/2004	Đàklak	31CBN9	9.3	8.0	Đạt	
6	30208040345	Trần Bùi Lan Anh	24/10/2006	Phú Yên	31TSC14	8.0	6.3	Đạt	
7	28206100127	Võ Văn Anh	05/06/2004	Quảng Trị	31THT14	8.7	5.5	Đạt	
8	28207340653	Lâm Hồng Ánh	12/06/2004	Bình Định	31TSC14	8.0	9.0	Đạt	
9	28212201361	Đặng Quốc Bảo	25/10/2004	Nghệ An	31CHT7	7.0	6.0	Đạt	
10	28204304005	Nguyễn Thị Ngọc Bích	11/10/2004	Kon Tum	31THT14	9.3	7.5	Đạt	
11	28211145061	Nguyễn Nho Chính	21/04/2004	Quảng Nam	31CBN9	5.3	5.5	Đạt	
12	28212301527	Nguyễn Mạnh Cường	27/10/2004	Bình Định	31CYC9	10.0	7.0	Đạt	
13	28212448089	Trần Thanh Cường	06/04/2004	Quảng Nam	31CBN9	6.0	9.8	Đạt	
14	29214623028	Nguyễn Đức Duy Đan	02/11/2005	Quảng Ngãi	31CSC6	6.7	5.0	Đạt	
15	28204347456	Nguyễn Lưu Đan	01/12/2004	Đà Nẵng	31TSC14	9.7	6.5	Đạt	
16	29204965650	Hoàng Thị Ngọc Diệp	20/08/2005	Quảng Bình	31TBN8	7.0	3.8	Không Đạt	
17	28207353054	Nguyễn Tôn Khánh Đoan	24/07/2004	Quảng Ngãi	31TSC14	9.7	9.0	Đạt	
18	28212305580	Nguyễn Thành Đức	11/11/2004	Phú Yên	31THT14	7.7	6.3	Đạt	
19	27215351181	Hoàng Đình Dũng	12/10/2003	Nghệ An	31CHT4	9.0	8.4	Đạt	
20	28218103453	Nguyễn Việt Dũng	26/06/2004	Phú Thọ	31CHT1	7.0	6.0	Đạt	
21	27206301535	Đinh Thị Thùy Dương	13/10/2003	Quảng Ngãi	31CHT8	9.7	5.0	Đạt	
22	28212452708	Lê Đức Dương	04/09/2004	Nghệ An	31CBN9	9.3	9.8	Đạt	
23	28204720075	Võ Thị Ánh Dương	19/03/2004	Quảng Nam	31TSC14	7.0	5.5	Đạt	
24	28204643782	Trần Thị Mỹ Duyên	27/05/2004	Đà Nẵng	31THT14	9.7	9.3	Đạt	
25	28209440371	Nguyễn Thị Thu Hà	11/07/2004	Quảng Nam	31CBN9	9.3	8.3	Đạt	
26	29208051245	Nguyễn Thị Thu Hằng	11/05/2005	Đà Nẵng	31THT14	7.0	5.5	Đạt	
27	28204301208	Dương Thị Mỹ Hiền	17/04/2004	Gia Lai	31TSC14	7.7	6.3	Đạt	
28	28204706232	Nguyễn Hồ Thị Khánh Hiền	26/06/2004	Đà Nẵng	31CBN9	9.0	5.0	Đạt	
29	28204102857	Nguyễn Mỹ Hiền	18/10/2004	Kontum	31THT14	9.0	5.3	Đạt	
30	29208428873	Nguyễn Thị Thu Hiền	18/08/2005	Quảng Nam	31THT14	9.7	5.8	Đạt	
31	28217305032	Quảng Võ Thanh Hiếu	19/04/2004	Gia Lai	31TSC14	9.0	9.3	Đạt	
32	27215351498	Trần Anh Hiếu	10/10/2003	Bắc Giang	31CYC4	8.0	8.5	Đạt	

Ghi chú: Các học viên có kết quả "Không đạt" phải tự theo dõi lịch thi các đợt tiếp theo và đăng ký thi lại các phần thi được tô màu đỏ(không đạt phần thi nào thì thi lại phần thi đó). Phần Cơ bản không đạt sẽ bị hủy điểm thi phần Nâng cao theo đúng nội dung thông báo.

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	LỚP	ĐIỂM THI			GHI CHÚ
						KTC	THUD	KẾT QUẢ	
33	28205204625	Lê Thị Hoài	28/09/2004	Gia Lai	31THT14	5.7	4.3	Không Đạt	
34	27215302867	Nguyễn Việt Hưng	25/12/2003	Sơn La	31CHT4	9.7	8.8	Đạt	
35	28206550385	Đinh Ngọc Minh	28/08/2004	Quảng Nam	31SSC5	5.3	V	Không Đạt	
36	28212350192	Lê Tạ Gia Huy	23/06/2004	Quảng Ngãi	31CYC7	7.7	6.3	Đạt	
37	28212702937	Trần Văn Huy	17/04/2004	Thừa Thiên H	31TSC14	7.0	5.3	Đạt	
38	28204102643	Nguyễn Thị Ngọc Huyền	12/02/2004	Nghệ An	31THT14	9.7	6.5	Đạt	
39	28204149472	Nguyễn Thị Thu Huyền	04/03/2004	Quảng Nam	31THT14	8.3	6.3	Đạt	
40	28204502696	Võ Thị Lệ Huyền	11/10/2004	Quảng Ngãi	31TBN10	5.7	3.0	Không Đạt	
41	27205427392	Võ Ngọc Châu Khanh	03/08/2003	Quảng Bình	31CHT4	10.0	7.3	Đạt	
42	27202122152	Phạm Kim Khánh	17/09/2003	Đà Nẵng	31SBN1	6.3	6.3	Đạt	
43	28217354025	Đỗ Lâm Gia Kiệt	22/09/2004	Hồ Chí Minh	31TSC14	9.0	8.5	Đạt	
44	28204100884	Mai Thị Thủy Kiều	11/08/2004	Gia Lai	31THT14	8.3	6.5	Đạt	
45	28204350132	Nguyễn Thị Kim Lan	24/09/2004	Quảng Nam	31THT14	9.7	7.3	Đạt	
46	28204851725	Đỗ Đăng Quỳnh Linh	26/07/2004	Đà Nẵng	31CBN9	9.3	9.8	Đạt	
47	28205147486	Lê Thị Ngọc Linh	01/10/2004	Gia Lai	31SBN7	7.3	4.3	Không Đạt	
48	28208105491	Nguyễn Thị Loan	23/06/2004	Quảng Nam	31TSC14	7.7	6.5	Đạt	
49	29217351837	Nguyễn Trần Kim Long	07/06/2005	Quảng Ngãi	31TSC14	9.3	8.5	Đạt	
50	28214637190	Nguyễn Hữu Lực	24/02/2004	Đà Nẵng	31THT14	8.0	3.3	Không Đạt	
51	29209421526	Nguyễn Kiều Ly	21/10/2005	Phú Yên	31TSC14	7.7	7.3	Đạt	
52	28204805111	Đinh Trần An Na	25/09/2004	Quảng Bình	31CBN9	6.7	5.5	Đạt	
53	27213733599	Nguyễn Hoàng Bảo Nam	06/08/2003	Hà Tĩnh	31THT14	V	V	Không Đạt	
54	27217235616	Trương Nhật Nam	25/10/2003	Quảng Bình	31SBN2	5.7	3.8	Không Đạt	
55	28207353801	Đặng Thị Minh Ngân	04/11/2004	Hồ Chí Minh	31TSC14	9.7	9.8	Đạt	
56	28208027475	Võ Trần Phúc Ngân	28/07/2004	Đà Nẵng	31CYC7	8.7	5.0	Đạt	
57	28214754224	Đặng Phước Nghĩa	21/04/2004	Quảng Ngãi	31CBN9	8.7	7.8	Đạt	
58	28204854756	Mai Thị Bích Ngọc	09/05/2004	Quảng Nam	31TSC14	9.3	6.8	Đạt	
59	28207330952	Nguyễn Đình Bảo Ngọc	06/10/2004	Khánh Hoà	31TSC14	10.0	8.5	Đạt	
60	28206501770	Phạm Thị Ngọc	03/10/2004	Quảng Ngãi	31CBN9	8.7	6.3	Đạt	
61	28212301170	Nguyễn Đình Nguyên	15/05/2004	Đắk Lắk	31CYC9	9.7	7.3	Đạt	
62	28204154882	Đỗ Hoàng Phương Nhi	30/04/2004	Quảng Nam	31THT14	6.7	8.5	Đạt	
63	28204601198	Ngô Thị Quỳnh Nhi	28/11/2004	Đắk Lắk	31THT14	9.0	5.8	Đạt	
64	28204304168	Nguyễn Thị Hồng Nhi	07/02/2004	Bình Định	31SHT5	6.7	5.0	Đạt	
65	28204649924	Nguyễn Thùy Vân Nhi	13/10/2004	Quảng Ngãi	31THT14	10.0	5.3	Đạt	
66	28207104022	Nguyễn Yến Nhi	18/11/2004	Gia Lai	31TSC14	5.3	5.0	Đạt	
67	28208027141	Phạm Hồng Thảo Nhi	08/10/2004	Đồng Nai	31TSC12	8.0	5.1	Đạt	

Ghi chú: Các học viên có kết quả "Không đạt" phải tự theo dõi lịch thi các đợt tiếp theo và đăng ký thi lại các phần thi được tô màu đỏ(không đạt phần thi nào thì thi lại phần thi đó). Phần Cơ bản không đạt sẽ bị hủy điểm thi phần Nâng cao theo đúng nội dung thông báo.

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN	TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	LỚP	ĐIỂM THI			GHI CHÚ
							KTC	THUD	KẾT QUẢ	
68	28204650730	Phan Hoàng Hà	Nhi	08/11/2004	Quảng Bình	31TSC12	6.7	6.5	Đạt	
69	28204504805	Nguyễn Thị Hằng	Ni	12/01/2004	Đak Lak	31THT14	9.0	6.8	Đạt	
70	28202701103	Trần Thị Yến	Ni	18/10/2004	Đà Nẵng	31TSC14	7.0	3.8	Không Đạt	
71	28212300621	Nguyễn Thành	Phúc	18/11/2004	Quảng Ngãi	31CYC9	8.3	6.0	Đạt	
72	28218142468	Phạm Tấn	Quang	02/01/2004	Quảng Nam	31TSC14	6.3	1.0	Không Đạt	
73	27203143963	Hoàng Thị Ngọc	Quyên	05/01/2003	Đaklak	31THT14	8.0	6.3	Đạt	
74	28204104002	Đỗ Như	Quỳnh	21/04/2004	Quảng Nam	31THT14	8.7	5.3	Đạt	
75	28204634901	Nguyễn Diễm	Quỳnh	09/12/2004	QUẢNG NG	31CBN9	6.0	5.0	Đạt	
76	27215330758	Lê Văn Cao	Tài	07/04/2003	Đà Nẵng	31CHT4	8.0	5.3	Đạt	
77	28219336319	Nguyễn Đức	Tâm	14/04/2004	Nghệ An	31TSC14	6.7	6.0	Đạt	
78	28214335505	Nguyễn Hữu	Thắng	22/04/2004	Quảng Bình	31TSC14	3.0	3.9	Không Đạt	
79	28218105857	Nguyễn Toàn	Thắng	16/09/2004	Quảng Nam	31CHT1	5.3	5.5	Đạt	
80	28214731173	Văn Đức	Thắng	24/01/2004	Nghệ An	31CBN9	7.3	8.4	Đạt	
81	28211149087	Đoàn Sỹ	Thành	21/12/2004	Quảng Bình	31CYC9	8.3	7.0	Đạt	
82	28214831174	Nguyễn	Thảo	24/08/2002	Quảng Trị	31THT14	8.0	5.8	Đạt	
83	28206748405	Nguyễn Hà Thanh	Thảo	19/07/2004	Quảng Nam	31THT14	7.7	5.8	Đạt	
84	28205205418	Võ Hoài	Thu	22/10/2004	Quảng Ngãi	31CBN9	9.7	6.4	Đạt	
85	28204331423	Nguyễn Thị Minh	Thư	07/11/2004	Quảng Trị	31TSC14	6.7	4.1	Không Đạt	
86	28208152382	Nguyễn Vũ Anh	Thư	20/08/2004	Kon Tum	31TSC14	8.3	5.3	Đạt	
87	28208151912	Trương Hồng Minh	Thương	24/07/2004	Đà Nẵng	31TSC14	8.3	7.5	Đạt	
88	28218126942	Hà Minh	Thường	02/07/2004	Bình Định	31TSC14	9.7	6.8	Đạt	
89	28219449154	Nguyễn Khánh	Toàn	08/08/2004	Quảng Bình	31CBN9	5.7	8.0	Đạt	
90	28208048257	Nguyễn Đỗ Ngọc	Trân	08/01/2004	Đà Nẵng	31CYC7	6.3	4.3	Không Đạt	
91	27204130907	Nguyễn Lê Bảo	Trân	13/04/2003	Đà Nẵng	31CBN9	7.7	8.0	Đạt	
92	28204106409	Trần Thị Huyền	Trang	20/11/2004	Quảng Trị	31TSC14	8.3	6.8	Đạt	
93	27202102851	Trần Thị Thùy	Trang	14/10/2003	Đà Nẵng	31TBN9	V	V	Không Đạt	
94	27215345206	Hồ Thanh	Trúc	15/09/2003	Bình Định	31SBN4	8.0	7.0	Đạt	
95	28214605188	Nguyễn Văn	Trường	25/09/2004	Buôn Ma Thu	31THT14	7.7	3.8	Không Đạt	
96	28204906593	Lê Thị Thanh	Tú	08/03/2004	Quảng Nam	31THT14	10.0	6.3	Đạt	
97	28214600994	Lê Anh	Tuấn	23/01/2004	Quảng Bình	31THT14	6.0	5.0	Đạt	
98	27215332064	Nguyễn Quang	Tùng	16/04/2003	Quảng Nam	31CHT4	9.7	9.0	Đạt	
99	28205120669	Đỗ Thị Thanh	Tuyền	02/02/2004	Quảng Nam	31THT14	8.0	9.0	Đạt	
100	28206223310	Lê Nguyễn Ngọc	Tuyền	14/01/2004	Bình Định	31SBN7	9.3	7.3	Đạt	
101	28208154868	Nguyễn Thị Minh	Tuyền	14/12/2004	Đà Nẵng	31TSC14	8.7	6.0	Đạt	
102	28204639786	Trần Thảo	Uyên	09/04/2004	Đà Nẵng	31CBN9	7.3	7.0	Đạt	

Ghi chú: Các học viên có kết quả "Không đạt" phải tự theo dõi lịch thi các đợt tiếp theo và đăng ký thi lại các phần thi được tô màu đỏ(không đạt phần thi nào thì thi lại phần thi đó). Phần Cơ bản không đạt sẽ bị hủy điểm thi phần Nâng cao theo đúng nội dung thông báo.

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	LỚP	ĐIỂM THI			GHI CHÚ	
						KTC	THUD	KẾT QUẢ		
103	28204325742	Dương Thị Thủy	Vân	22/10/2004	Quảng Bình	31THT14	8.7	5.3	Đạt	
104	28204501914	Bùi Lê Hà	Vi	18/04/2004	Bình Định	31THT14	9.0	6.0	Đạt	
105	28214853951	Hồ Quốc	Việt	21/08/2004	Nghệ An	31CBN9	8.7	9.0	Đạt	
106	28214650521	Lê	Vũ	17/11/2002	Quảng Nam	31THT13	7.7	V	Không Đạt	
107	28219405845	Phan Trung Nguyên	Vũ	03/10/2004	Buôn Ma Thu	31CBN9	5.0	5.0	Đạt	
108	28208780330	Huỳnh Ngọc Trường	Vy	29/08/2004	Đà Nẵng	31THT14	9.3	5.5	Đạt	
109	28204603626	Lê Trần Khánh	Vy	14/02/2004	Quảng Trị	31CBN9	7.7	5.3	Đạt	
110	28203502912	Nguyễn Thiều	Vy	04/02/2004	Kon Tum	31THT14	9.3	6.0	Đạt	
111	27202730807	Phạm Thị Huyền	Vy	07/03/2003	Quảng Nam	31CBN9	10.0	7.0	Đạt	

TRUNG TÂM TIN HỌC

(Đã ký)

Dương Trương Quốc Khánh